TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST Ngày: 30-8-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng

2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Mỹ D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Mỹ D trình bày: Vào năm 2008 chị và anh Lê Văn V xác lập quan hệ hôn nhân và đến ngày 22/10/2009 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, uống

rượu về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị nhiều lần, lâu ngày vợ chồng không còn tiếng nói chung bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong khoản thời gian ly thân thì cũng không ai tạo điều kiện để hàn gắn cho nhau. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đoàn Mỹ D yêu cầu ly hôn anh Lê Văn V.

- Về nuôi con tên: Lê Anh K, sinh ngày 21/8/2009 hiện do anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con chung. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị D không không tranh chấp, không khởi kiện.

- Đối với bị đơn anh Lê Văn V, mặc dù sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Văn V không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh Lê Văn V vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Đoàn Mỹ D và anh Lê Văn V chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2016, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Đoàn Mỹ D được ly hôn với anh Lê Văn V. Về con chung: Từ khi sống ly thân cháu Lê Anh K sống chung với anh Lê Văn V và được anh chăm sóc chu đáo phát triển toàn diện về mọi mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh Lê Văn V được quyền nuôi con chung là cháu Lê Anh K. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả chị D và anh V không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị Đoàn Mỹ D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Đoàn Mỹ D và anh Lê Văn V là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; Bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn V là bị đơn, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, anh Lê Văn V vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Mỹ D và anh Lê Văn V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/10/2009 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Đoàn Mỹ D và anh Lê Văn V là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của chị Đoàn Mỹ D thì chị và anh Lê Văn V quen biết nhau được một thời gian, sau đó tiến đến hôn nhân và kết hôn vào tháng 10/2009 cho đến năm 2016 vợ chồng sống ly thân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị xin ly hôn với anh Lê Văn V. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào lời trình bày của chị D cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lê Văn V để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng để tìm giải pháp cho hai bên thỏa thuận, đoàn tụ lại với nhau nhưng anh Lê Văn V đều vắng mặt. Chứng tỏ anh Lê Văn V không có ý chí muốn đoàn tụ với chị D, mặc khác qua xác minh của Tòa án thì mẹ anh V trình bày có nghe anh V nói lại là giữa anh và chị D có xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân thì chị D và anh V không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh V đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xin ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có một con chung là cháu Lê Anh K, sinh ngày 21/8/2009 hiện đang sống chung với anh Lê Văn V, chị D đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy con chung của anh chị là cháu Lê Anh K, từ khi vợ chồng sống ly thân anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa anh Lê Văn V và con gắng bó hơn, mặc khác cháu K có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó việc giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu K có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho anh Lê Văn V được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Đoàn Mỹ D và anh Lê Văn V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị Đoàn Mỹ D và anh Lê Văn V không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đoàn Mỹ D phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6] Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Mỹ D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Mỹ D được ly hôn với anh Lê Văn V.

2. Về nuôi con chung: Anh Lê Văn V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lê Anh K, sinh ngày 21/8/2009, khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Mỹ D và anh Lê Văn V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Đoàn Mỹ D không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đoàn Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017405, ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Đoàn Mỹ D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã A,
huyện L, tỉnh V
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hùng Anh